

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025 /HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 3 – 2025 .

Về việc: “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng, ông Y Nik Êban.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 465/2024/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2024. Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST - NHGGD, ngày 04/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thùy O, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Xuân C, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 28/10/2024, tại các lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Lê Thị Thùy O trình bày: Bà O và ông Đỗ Xuân C đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/11/2021, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sống không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm dần đi xuống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, bà O đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Đỗ Xuân C.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống bà O và ông C có 01 con chung, cháu tên là Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021. Do cháu Q còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và bà O có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 20.000.000đ nên bà O có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Xuân C trình bày ý kiến:** Ông C với bà Lê Thị Thùy O chung sống với nhau từ cuối năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K vào ngày 16/11/2021. Sau khi về chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 9/2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mỗi người làm ăn một nơi dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên ông C đồng ý ly hôn với bà O; về con chung ông C có nguyện vọng nuôi cháu Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà O cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho các đương sự. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Đỗ Xuân C và tại các phiên hòa giải ông C đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa

án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Xuân C vẫn giữ nguyên ý kiến là đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Thùy O và ông C có nguyện vọng xin được nuôi cháu Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho đến khi cháu trưởng thành và thu nhập của ông C mỗi tháng là 10.000.000đ nên ông C không yêu cầu bà O cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy O có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Xuân C mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp và hòa giải là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy O. Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thùy O được ly hôn với ông Đỗ Xuân C; về con chung: Giao con chung là Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho bà O nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về án phí nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thùy O, ngày 28/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Đỗ Xuân C, cư trú tại thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, bà Lê Thị Thùy O có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy O và ông Đỗ Xuân C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/11/2021, trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà O trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, sống không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên bà O đề nghị Tòa án giải quyết cho bà O được ly hôn với ông Đỗ Xuân C; Tại phiên tòa ông C khai nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mỗi người làm ăn một nơi dẫn đến không còn tình cảm với nhau và từ tháng 9/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nên ông C đồng ý ly hôn với bà O.

HĐXX xét thấy, bà Lê Thị Thùy O và ông Đỗ Xuân C do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung và đã sống ly thân nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tại phiên tòa bị đơn ông C đồng ý ly hôn với bà O. Do đó, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Thùy O và bà O được ly hôn với ông Đỗ Xuân C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà O và ông C có cùng nguyện vọng xin được nuôi cháu Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét lời khai của bà O khai nhận mức thu nhập bình quân hàng tháng của bà O là 20.000.000đ và ông C khai nhận mức thu nhập bình quân hàng tháng của ông C là 10.000.000đ. Ngoài ra cháu Q còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho bà Lê Thị Thùy O chăm sóc và nuôi dưỡng là có căn cứ. Ông C được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Lê Thị Thùy O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000790 ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Thùy O được ly hôn với ông Đỗ Xuân C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Đông Q, sinh ngày: 15/10/2021 cho bà Lê Thị Thùy O trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Ông Đỗ Xuân C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, bà Lê Thị Thùy O không được quyền cản trở, tuy nhiên ông C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Thùy O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000790 ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn ông Đỗ Xuân C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy O vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Mai